

TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU
HÀNG HẢI KHU VỰC VIII

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 79 /CTHTHHKVVIII-TCHC
V/v công bố thông tin theo nghị định
81/2015/NĐ-CP

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 3 năm 2018

Kính gửi: - Bộ Kế hoạch đầu tư
- Tổng công ty Bảo đảm hàng hải miền Nam

Thực hiện quy định tại Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 09 năm 2015 về việc công bố thông tin của Doanh nghiệp Nhà nước.

Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực VIII kính báo cáo Bộ Kế hoạch đầu tư và Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam các nội dung đề nghị được công khai theo đúng thời hạn quy định của Nghị định 81, cụ thể:

- Công bố Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.
- Công bố kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2017 (chưa được Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam giao) theo phụ lục số IV.
- Công bố báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và 03 năm gần nhất theo phụ lục số V.
- Công bố báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội (nếu có) năm 2017 theo phụ lục số VI.
- Công bố báo cáo chế độ, tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp (chưa được Tổng công ty ra quyết định thẩm định và phê duyệt) theo phụ lục số X.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (b/c);
- KSV (b/c);
- Lưu: VT, TC-HC.



CHỦ TỊCH

Vũ Hoài Nam

PHƯƠNG ÁN

Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2018

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2017.

1. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017:

| Nội dung | Cùng kỳ năm 2016 | Năm 2017 | | Biến động so với (tỷ lệ %) | |
|---|------------------|----------------|----------------|----------------------------|---------------|
| | | Kế hoạch | Thực hiện | Cùng kỳ năm 2016 | Kế hoạch 2017 |
| | [2] | [3] | [4] | [5]=[4]/[2] | [6]=[4]/[3] |
| A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh | | | | | |
| 1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu | 2.419 | 2.350 | 2.561 | 105,87 | 108,9 |
| 2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu | 2.419 | 2.350 | 2.561 | 105,87 | 108,9 |
| 3. <i>Tồn kho cuối kỳ</i> | | | | | |
| B. Chỉ tiêu tài chính | | | | | |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 15.251.184.022 | 12.200.000.000 | 15.033.026.439 | 98,57 | 123,2 |
| 2. Chi phí | 13.736.931.310 | 12.102.000.000 | 14.134.439.528 | 102,9 | 116,86 |
| 3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 1.514.252.712 | 98.000.000 | 898.586.911 | 59,31 | 916,32 |
| 4. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 303.173.342 | 19.600.000 | 185.401.926 | 61,06 | 943,88 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN | 1.211.079.370 | 78.400.000 | 713.184.985 | 58,88 | 909,44 |

- Về lượt tàu:

Năm 2017 lượt tàu đạt 108,98 % so với kế hoạch cả năm, tăng 5,87% so với năm 2016. Lượt tàu tập trung chủ yếu ở kho dầu ngoại quan Vân Phong, chiếm gần 50% tổng số lượt tàu toàn Công ty.

Các tuyến cảng khác lượng tàu có nhiều thay đổi như giảm tàu cát, tàu thiết bị đến cảng Cam Ranh Cái Mép, cảng HVS; nhưng tăng tàu cát, tàu dầu tại cảng Ninh Chữ, cảng K662, cảng Đầm Môn.

- Về Doanh thu:

• Doanh thu năm 2017 đạt 123,22 % so với kế hoạch năm, đạt 98.6% so với năm 2016. Trong đó, doanh thu hoa tiêu đạt 115,22%, doanh thu dịch vụ khác đạt 169,99%.

- So với năm 2016, lượt tàu năm 2017 tăng 5,87% nhưng doanh thu hoa tiêu lại chỉ đạt 87% là do năm 2016 công ty được nhà nước đặt hàng theo đơn giá/lượt tàu. Từ đầu năm 2017 do thay đổi cơ chế nên phí hoa tiêu thu được cũng chính là doanh thu, mà khu vực công ty được giao dẫn tàu có tỷ lệ tàu nội cập cảng chiếm 63% trong khi doanh thu thu được chỉ chiếm 10%.

- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác tăng cao trong năm 2017 là do Công ty thực hiện ký kết hợp đồng với Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng về việc cung cấp dịch vụ cho thuê hoa tiêu và phương tiện đưa đón hoa tiêu (Tổng số lượt thực hiện trong năm 2017 là 88 lượt) và ký hợp đồng với Công ty TNHH Hoàng Nguyên Vũng Tàu về việc cho thuê cano pilot 08 hoạt động tại Hải Phòng.

+ Doanh thu hoạt động tài chính: phát sinh từ nguồn vốn lưu động.

- Về Chi phí:

Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2017 tăng 17,20 % so với kế hoạch là do:

+ Chi phí nhiên liệu tăng so với kế hoạch: do lượt tàu tăng cao so với kế hoạch và tăng tập trung tại khu vực Vân Phong, Cam Ranh.

+ Phát sinh chi phí thuê phương tiện so với kế hoạch tại khu vực cảng Nha Trang trong khoảng thời gian cho thuê cano Pilot 08 tại Hải Phòng.

- Chi phí sửa chữa tăng do khắc phục ảnh hưởng của bão số 12, các chi phí sửa chữa đến thời hạn thay mới, bảo dưỡng và một số chi phí khác phát sinh khác.

- Lợi nhuận:

Lợi nhuận thực hiện sau thuế năm 2017 đạt 859,56%, tăng cao so với kế hoạch một phần do lượng tàu tăng cao, phần khác do Ban lãnh đạo công ty đã có những chiến lược sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao, giúp công ty vượt qua giai đoạn khó khăn trong năm 2017 khi thay đổi cơ chế.

2.Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2017:

Trong năm 2017, công ty không thực hiện đầu tư dự án nào.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Trên cơ sở thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2017, tình hình khai thác hàng hóa thông qua các cảng trong khu vực và định hướng kinh doanh năm 2018, công ty hoa tiêu hàng hải khu vực VIII xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 như sau:

Các chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2018

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện 2017 | Kế hoạch 2018 | Ghi chú |
|-----|--------------------------------|----------------|---------------|---------|
| I | Sản lượng (kể cả dịch vụ khác) | 2.652 | 2.400 | |
| II | Tổng doanh thu | 15.033 | 13.663 | |
| | - Doanh thu công ích | 12.443 | 10.300 | |
| | - Doanh thu dịch vụ | 2.381 | 3.213 | |
| | - Doanh thu tài chính | 209 | 150 | |
| III | Tổng chi phí | 14.134 | 12.848 | |
| IV | Lợi nhuận thực hiện trước thuế | 899 | 815 | |
| V | Lợi nhuận sau thuế | 713 | 652 | |

Các chỉ tiêu kế hoạch chi tiết năm 2018

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Nội dung | Thực hiện 2017 | Kế hoạch 2018 | Ghi chú |
|-----|------------------------------|----------------|---------------|---------|
| I | Lượt tàu | 2.652 | 2.400 | |
| II | Tổng Doanh thu | 15.033 | 13.663 | |
| | - Doanh thu dịch vụ | 14.824 | 13.513 | |
| | - Lãi tài chính | 209 | 150 | |
| III | Tổng chi phí | 14.134 | 12.848 | |
| | Trong đó | | | |
| 1 | Chi phí sản xuất | 8.653 | 8.276 | |
| 1.1 | Chi phí nhiên liệu trực tiếp | 1.220 | 1.635 | |
| 1.2 | Chi phí nhân công trực tiếp | 4.617 | 3.992 | |

100
 ÔNG
 011
 A TÈ
 KHÈ
 1018

7


| | | | |
|-----------|---------------------------------|--------------|--------------|
| | - Lương trực tiếp | 4.323 | 3.678 |
| | - BHXH, KPCĐ, BHTN, Y tế | 294 | 314 |
| 1.3 | Chi phí sản xuất chung | 2.819 | 2.649 |
| 1.3.1 | Chi phí khấu hao TSCĐ | 949 | 849 |
| 1.3.2 | Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.864 | 1.800 |
| 2 | Chi quản lý doanh nghiệp | 5.481 | 4.572 |
| 2.1 | Chi phí nhân công | 3.201 | 2.541 |
| | - Lương nhân viên văn phòng | 1.441 | 1.226 |
| | - Lương viên chức quản lý | 1.527 | 1.066 |
| | - Các khoản trích theo lương | 233 | 249 |
| 2.2 | Chi phí khấu hao TSCĐ | 328 | 328 |
| 2.3 | Chi phí dịch vụ mua ngoài | 958 | 803 |
| 2.4 | Chi khác bằng tiền | 994 | 900 |
| IV | Lợi nhuận trước thuế | 899 | 815 |
| | Nộp thuế TNDN | 186 | 163 |
| V | Lợi nhuận sau thuế | 713 | 652 |

2. Kế hoạch đầu tư phát triển

| STT | Hạng mục công việc | Dự kiến tổng mức đầu tư (tr.đ) | Thời gian thực hiện | Nguồn vốn | Ghi chú |
|-----|---|--------------------------------|---------------------|---|---------|
| 1 | Đầu tư tài sản khác phục vụ sản xuất kinh doanh | 300 | 2018 | Nguồn tái đầu tư và nguồn vốn hợp pháp khác | |

- Đầu tư tài sản khác phục vụ sản xuất kinh doanh**

Nguồn vốn đầu tư: từ nguồn tái đầu tư và các nguồn vốn hợp pháp khác của công ty.

Quy mô đầu tư: 300 triệu đồng.

Nguyên nhân đầu tư: Công ty thực hiện mua sắm một số trang thiết bị văn phòng có giá trị ghi nhận tài sản cố định nhằm phục vụ công tác quản lý, sản xuất kinh doanh.

Tiến độ dự kiến thực hiện dự án trong năm 2018: Công ty thực hiện đầu tư khi phát sinh, tiến hành đầu tư theo đúng quy định của pháp luật và sử dụng đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về vốn, tài chính

- Trích một phần từ nguồn khấu hao tài sản cố định để thực hiện đầu tư.

2. Giải pháp về sản xuất

- Đảm bảo đội ngũ hoa tiêu dẫn dắt an toàn lượt tàu dự kiến, không để xảy ra tai nạn hánh hải do lỗi chủ quan của hoa tiêu.

- Đề cao tinh tránh nhiệm, tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

3. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống, chế độ tiền lương đối với viên chức quản lý và người lao động, giữ đảm bảo thu nhập ổn định, thanh toán đầy đủ các chế độ đặc thù, đồng thời thu hút nguồn lao động chất lượng cao phục vụ cho nhu cầu phát triển của công ty.

- Tập trung đào tạo và phát triển nguồn nhân lực hoa tiêu toàn diện về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ cũng như phong cách làm việc chuyên nghiệp.

- Công ty xây dựng kế hoạch tuyển dụng lao động từ đầu năm để đảm bảo nhân lực phục vụ tốt cho kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm .

4. Giải pháp về công nghệ kỹ thuật.

- Đối với công tác trực ban: các giải pháp dưới đây là nhằm mục đích giảm thiểu sai sót trong thông tin liên lạc; cập nhật kế hoạch hằng ngày nhanh chóng; tiết kiệm chi phí thông tin liên lạc.

+ Sử dụng mạng xã hội Line: được cài đặt vào 2 máy tính ở 2 đầu Nha Trang và Vân Phong. Các hoa tiêu được cài đặt phiên bản mobile trên điện thoại smartphone. Giải pháp này giúp tiết kiệm chi phí thông tin liên lạc cho công ty vì hoa tiêu làm tàu giảm được tần suất gọi điện trực tiếp. Yếu tố An toàn được nâng cao khi kiểm soát được các thông tin có khả năng sai sót nhờ vào khả năng kiểm tra chéo lẫn nhau của ứng dụng Line.

+ Ứng dụng tin học văn phòng (đặc biệt công cụ excel) trong công tác lưu trữ số liệu giúp cho việc thống kê, tìm kiếm và chia sẻ nhanh chóng thuận lợi hơn.

- Đối với công tác dẫn tàu:

+ Áp dụng kỹ thuật thông tin liên lạc Close-loop communication để tăng cường tính kiểm tra chéo và kiểm soát lỗi trong quá trình truyền khẩu lệnh của hoa tiêu trên buồng lái.

167
TY
HÀ
H
V
T

+ Để kịp thời đáp ứng với sự phát triển nhanh tại Vân Phong với các thể hệ tàu lớn, hiện đại liên tục ra vào trong khu vực, triển khai ứng dụng các giải pháp về công nghệ ECDIS, PPU.

5. Giải pháp về quản lý và điều hành.

- Công tác quản lý và điều hành của ban lãnh đạo dựa trên các quy chế của công ty đã được thông qua người lao động tại Hội nghị người lao động.


- Công tác quản lý và điều hành phải nhất quán và đồng bộ từ người đứng đầu cho đến các trưởng phòng ban nghiệp vụ.

- Quan tâm đặc biệt đến công tác quản lý nhân sự vì con người là nền tảng của doanh nghiệp.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

**BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NĂM 2018**

| TT | Các chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch |
|-----------|----------------------|------------|-----------------|
| 1 | Lượt tàu | lượt | 2.400 |
| 2 | Doanh thu | Tr. đồng | 13.663 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tr. đồng | 815 |
| 4 | Tổng vốn đầu tư | Tr. đồng | 300 |



748
TN
H V
NG
C M
990

Khánh Hoà, ngày 26 tháng 02 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt Quỹ lương, thù lao thực hiện của Người quản lý năm 2017 và thẩm định Quỹ tiền lương thực hiện năm 2017 đối với người lao động của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VIII

Kính gửi: Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam

Căn cứ Quyết định số 1768/QĐ-BGTVT ngày 25/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc chuyển Công ty Hoa tiêu khu vực VIII thành Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VIII;

Căn cứ Nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14/9/2004 của Chính phủ quy định hệ thống thang lương, bảng lương và các chế độ phụ cấp lương trong cơ quan Nhà nước;

Căn cứ thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động thương binh – xã hội về việc “Hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”.

Căn cứ thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động thương binh – xã hội về việc “Hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”.

Căn cứ vào tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh cả năm 2017.

Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực VIII kính trình Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam xét phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của người quản lý năm 2017 và báo cáo Quỹ lương thực hiện của người lao động năm 2017 điều chỉnh lại theo hướng dẫn của thông tư 26, 27 bắt đầu có hiệu lực từ ngày 15/10/2016 như sau:

1- Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện của Người quản lý là: (có biểu mẫu báo cáo và bảng tính chi tiết kèm theo):

- **Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện 2017: 1.527.628.632 đồng** (Một tỷ, năm trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn, sáu trăm ba mươi hai đồng).

- **Quỹ tiền thưởng thực hiện 2017: 127.302.386 đồng** (Một trăm hai mươi bảy triệu, ba trăm lẻ hai nghìn, ba trăm tám mươi sáu đồng).



2- **Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động** (có biểu mẫu báo cáo và bảng tính chi tiết kèm theo): **5.765.516.595 đồng** (Năm tỷ, bảy trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm mười sáu nghìn, năm trăm chín mươi đồng).

Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực VIII Kính trình Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam xem xét, chấp thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- KSV (b/c);
- Giám đốc Cty;
- Lưu VT, TCHC, TCKT.



CHỦ TỊCH

VŨ HOÀI NAM

PHỤ LỤC V

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

**CÔNG TY HOA TIÊU HÀNG
HẢI KHU VỰC VIII
4200767748**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Năm báo cáo: 2017

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước:

a) Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước:

Giai đoạn 2014-2016 tình hình kinh tế thế giới, trong nước dần phục hồi sau một thời gian dài bị khủng hoảng, song song đó các chính sách nhà nước có nhiều thay đổi thuận lợi hơn nhằm kích thích kinh tế vùng phát triển. Điều này tác động tích cực đến việc tăng sản lượng hàng hóa thông qua các cảng trong khu vực dẫn đến lượng tàu ra vào các cảng tăng cao trong các năm qua.

Trong giai đoạn này, công ty thực hiện thu nộp phí hoa tiêu hàng hải thu được vào ngân sách nhà nước và được Bộ Giao thông vận tải đặt hàng đơn giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải.

Lượt tàu tăng cao dẫn đến doanh thu và lợi nhuận thực hiện các năm tăng cao so với kế hoạch được Tổng công ty bảo đảm an toàn hàng hải giao hàng năm.

Ngoài việc giữ tăng trưởng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, công ty tiếp tục tạo điều kiện tốt về công ăn việc làm cho người lao động, giữ ổn định thu nhập, quan tâm chăm lo đến đời sống tinh thần của người lao động.

b) Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước:



Trong giai đoạn 2014-2016, công ty đã hoàn thành đúng tiến độ 5 dự án đầu tư lớn phục vụ cho công tác điều hành, quản lý và công tác đưa đón hoa tiêu dẫn tàu:

+ Hoàn thành đúng tiến độ dự án Mua sắm mới 1 phương tiện thủy phục vụ công tác đưa đón hoa tiêu tại Vân Phong, đưa vào hoạt động từ tháng 11/2014.

+ Hoàn thành đúng tiến độ dự án xây dựng mới Trạm Hoa tiêu Vân Phong. Trạm Hoa tiêu Vân Phong đưa vào hoạt động đảm bảo được mục tiêu ban đầu ổn định tổ chức, nâng cao cơ sở vật chất nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, khi lượt tàu đến các cảng trong khu vực Vân Phong tăng cao, đặc biệt lượt tàu hành hải ban đêm thì trạm Hoa tiêu Vân Phong sẽ là nơi nghỉ ngơi cho lực lượng hoa tiêu trong thời gian chờ đợi làm tàu, đảm bảo sức khỏe, tinh thần minh mẫn cho lao động hoa tiêu khi áp lực công việc tăng.

+ Hoàn thành đúng tiến độ dự án Trạm biến áp TBA 25KVA-22/0.23KV cấp điện cho Trạm Hoa tiêu Vân Phong thuộc Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực VIII tại Mỹ Á – p.Ninh Thủy – tx.Ninh Hòa – tỉnh Khánh Hòa

+ Hoàn thành đúng tiến độ dự án Mua sắm mới xe Toyota Innova 2.0E sản xuất năm 2016 phục vụ công tác đưa đón hoa tiêu dẫn tàu.

+ Hoàn thành đúng tiến độ dự án Thay máy chính và sửa chữa vỏ ca nô Pilot 05

c) Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm:

Giai đoạn 2014-2016, sau khi được nhà nước đặt hàng dịch vụ công ích hoa tiêu hàng hải công ty dần khắc phục được những khó khăn do cơ chế tài chính cũ đem lại. Công ty chủ động hơn trong xây dựng kế hoạch tài chính, đảm bảo các chỉ tiêu tài chính tăng trưởng hơn, tích lũy được nguồn vốn đầu tư phát triển.

Trong 3 năm qua, công ty đã từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị vật chất ngày một khang trang hơn để phục vụ công tác quản lý cũng như đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ SXKD được cơ quan cấp trên giao.

Lượt tàu ngày một tăng cao qua các năm nhưng với sự chủ động trong nguồn nhân lực đảm bảo chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, công ty đã đáp ứng, phục vụ kịp thời, an toàn tất cả các yêu cầu dẫn dắt tàu của đại lý, chủ tàu.

d) Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

*** Thuận lợi:**

- Được sự quan tâm của Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam và các cơ quan ban ngành liên quan nên việc triển khai, tổ chức triển khai thực hiện các quy định của khung giá bước đầu thuận lợi.

- Trong những năm gần đây, nền kinh tế trong nước ảnh hưởng tích cực của nền kinh tế thế giới nên có những thay đổi trong cơ chế, chính sách thu hút đầu tư nước ngoài, kinh tế tư nhân phát triển dẫn đến các hoạt động thương mại dịch vụ nói chung, và dịch vụ vận tải hàng hải nói riêng có những tăng trưởng đáng kể. Lượng hàng hóa thông qua các cảng tăng mạnh kéo theo tăng trưởng số lượng tàu thuyền ra, vào các cảng trong cả nước.

- Đối với công ty, việc giao dẫn tàu tại các cảng thuộc 2 tỉnh Khánh Hòa và Ninh Thuận phù hợp, trong đó lượng tàu chủ yếu phát sinh cao tại khu vực tỉnh Khánh Hòa. Tỉnh Khánh Hòa được đánh giá có vị trí địa lý thuận lợi, trong tương lai là vị trí chiến lược quốc gia trong phát triển kinh tế biển, cảng biển.

- Công ty nhận được sự ủng hộ và giúp đỡ nhiệt tình từ các đơn vị bạn, được sự tin nhiệm của các đối tác trong ngành.

- Việc tổ chức bộ máy nhân sự và nguồn nhân lực công ty vẫn ổn định, không biến động từ khi thay đổi chính sách phí sang cơ chế giá. Công ty tiếp tục thực hiện công tác đào tạo tại chỗ, thực hiện chương trình phối hợp đào tạo giữa các công ty hoa tiêu trong Tổng công ty để luôn đảm bảo ổn định lực lượng hoa tiêu chính đảm trách nhiệm vụ được giao.

*** Khó khăn:**

- Thay đổi cơ chế phí chuyển sang giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải, công ty gặp một số khó khăn nhất định trong thời gian đầu do Khu vực dẫn tàu được giao của Công ty trải dài hai tỉnh Khánh Hòa và Ninh Thuận, khoảng cách di chuyển đường bộ xa, lượng tàu ít, tàu nội địa chiếm tỷ trọng lớn với mức thu gần như tối thiểu nên nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ hoa tiêu thấp.

- Tàu nội vào khu vực Cam Ranh và Vân Phong ngày càng tăng, số lượng cảng hình thành mới đưa vào hoạt động là cảng nội, chủ yếu là tàu dầu, đòi hỏi đội ngũ

007
ĐNG
JTT
VTT
KHI
TRA

hoa tiêu phải có chuyên môn giỏi, tay nghề cao; đồng thời chi phí phát sinh dẫn tàu tại 2 khu vực này cao.

- Mặc dù ổn định được thu nhập cho người lao động tuy nhiên thực tế thu nhập của lực lượng lao động chính (hoa tiêu) tại đơn vị thấp hơn so với mặt bằng các công ty hoa tiêu khác nên việc tuyển dụng, giữ người gặp không ít khó khăn.

- Lợi nhuận hàng năm chỉ trích một phần quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động chứ chưa đủ tích lũy đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, phương tiện đưa đón hoa tiêu, vật chất đáp ứng nhu cầu đào tạo ngày một cao của đội ngũ hoa tiêu.

đ) Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Công ty tiếp tục thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo đúng phương châm “ An toàn – Uy tín – Chất lượng”, cam kết thực hiện đúng chính sách chất lượng đã đề ra.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2014 | Thực hiện năm 2015 | Thực hiện năm 2016 | Thực hiện năm 2017 |
|-----|------------------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| 1 | 1.Sản phẩm chủ yếu sản xuất | | | | |
| a) | Dịch vụ hoa tiêu hàng hải | 2.211 | 2.183 | 2.419 | 2.561 |
| 2 | Tổng doanh thu | 12.977.004.715 | 13.405.496.337 | 15.251.184.022 | 15.033.026.439 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 1.288.280.265 | 1.340.479.518 | 1.514.252.712 | 898.586.911 |
| 4 | Nộp ngân sách | 12.198.833.689 | 11.212.070.211 | 12.166.325.036 | 2.478.115.833 |
| 5 | Kim ngạch xuất khẩu (nếu có) | - | - | - | - |
| 6 | Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có) | 2.211 | 2.183 | 2.419 | 2.561 |
| 7 | Kế hoạch đầu tư phát triển | | | | |
| a) | - Nguồn ngân sách | | | | |
| b) | - Vốn vay | | | | |
| c) | - Vốn khác | 9.889.000.000 | 998.348.000 | 2.142.641.900 | 0 |
| 8 | Tổng lao động | 22 | 25 | 27,4 | 28 |
| 9 | Tổng quỹ lương | 6.598.881.000 | 6.189.801.131 | 6.775.865.652 | 7.293.145.227 |
| a) | - Quỹ lương quản lý | 1.273.440.000 | 1.262.634.000 | 1.425.948.020 | 1.527.628.632 |
| b) | - Quỹ lương lao động | 5.325.441.000 | 4.927.167.131 | 5.349.917.632 | 5.765.516.595 |

PHỤ LỤC VI

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI (NẾU CÓ) NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

CÔNG TY TNHH MTV HOA
TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VIII
4200767748

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH

BIỂU MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch | Thực hiện | Tỷ lệ so với KH | Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước |
|----|---|----------|----------|-----------|-----------------|--------------------------------|
| 1 | Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm | Lượt | 2.300 | 2.561 | 111,35% | 105,87 % |
| 2 | Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu | Lượt | - | - | - | - |
| 3 | Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu | 0 ý kiến | | | | |
| 4 | Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm | Tr.đ | 10.713 | 11.865 | 110,8% | 98,52% |
| 5 | Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm | Tr.đ | 10.800 | 12.443 | 115,22% | 93,95% |

1/8
TNI
1 VI
NG
VI
1/8

II. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP (nếu có)

1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường.

Một trong những trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải là góp phần bảo vệ môi trường biển. Các hoa tiêu hàng hải trong quá trình dẫn dắt tàu ra, vào thực hiện tốt công tác dẫn dắt tàu, không để ra các tai nạn do lỗi chủ quan của hoa tiêu, khuyến cáo cho thuyền trưởng tàu bè những sự cố có thể xảy ra, đồng thời nhắc nhở tàu bè chấp hành tốt các quy định về môi trường khi vào vùng nước cảng biển.

2. Trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng xã hội.

Một trong những trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải là bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và góp phần bảo vệ chủ quyền, thực hiện quyền chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia.

3. Thực hiện tốt trách nhiệm với nhà cung cấp (không có)

4. Trách nhiệm bảo đảm lợi ích và an toàn cho người tiêu dùng:

Công ty đã thực hiện cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải theo đúng quy trình dẫn dắt tàu tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2015. Định kỳ 6 tháng, công ty gửi phiếu đánh giá chất lượng dịch vụ cho một số đại lý, chủ tàu có giao dịch thường xuyên với công ty. Qua thu thập các ý kiến, công ty ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ phù hợp với yêu cầu ngày càng cao của ngành hàng hải nói chung và ngành hoa tiêu hàng hải nói riêng.

5. Quan hệ tốt với người lao động

Trong năm 2017, mặc dù thay đổi cơ chế từ được nhà nước đặt hàng (phí hoa tiêu thu về nộp đủ cho NSNN) sang giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải (doanh nghiệp tự thu tự chi), công ty đã gặp một số khó khăn tuy nhiên công ty vẫn đảm bảo được thu nhập cho người lao động, thực hiện tốt các chế độ quyền lợi của người lao động như đóng đủ các khoản bảo hiểm bắt buộc, trích đóng các khoản kinh phí công đoàn, đoàn phí công đoàn; thực hiện tốt các chế độ phúc lợi cho người lao động (ốm đau, hiếu hỷ, khám sức khỏe định kỳ, tổ chức du lịch...); thực hiện tốt việc khen thưởng để kịp thời động viên, khích lệ tinh thần làm việc hăng say, đóng góp vào kết quả SXKD hoàn thành trong năm 2017...

6. Trách nhiệm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và người lao động trong doanh nghiệp (không có)



PHỤ LỤC X

BÁO CÁO CHẾ ĐỘ, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP
(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

CÔNG TY HOA TIÊU
HÀNG HẢI KHU VỰC VIII
MST: 4200767748

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

1. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp

a) Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao của doanh nghiệp

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng đối với người lao động:
+ Luật lao động 10/2012/QH13 ngày ngày 18 tháng 06 năm 2012;
+ Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

+ Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động thương binh – xã hội về việc “Hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”.

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp:

+ Luật lao động 10/2012/QH13 ngày ngày 18 tháng 06 năm 2012;

+ Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

+ Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động thương binh – xã hội về việc “Hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”.

b) Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của Người quản lý doanh nghiệp và Quỹ tiền lương thực hiện Người lao động năm 2017

- Quỹ lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp và người lao động được xác định trên quỹ lương kế hoạch, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2017.

- Quỹ tiền lương thực hiện của lao động: xác định theo thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động thương binh – xã hội về việc “Hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”.

SH
N
HAI
1
2017

– Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý doanh nghiệp: xác định theo thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động thương binh – xã hội về việc “Hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”.

c) Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao của doanh nghiệp:

– Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động: Theo Quy chế Quản lý lao động và tiền lương theo Quyết định số 15/QĐ-CTHTHHKVVIII ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Giám đốc Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực VIII.

– Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp: Theo hướng dẫn tại Điều 3 của thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ Lao động thương binh – xã hội về việc “Hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ” và căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh của năm 2017.

2. Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của doanh nghiệp

BIỂU BÁO CÁO QUỸ TIỀN LƯƠNG, THỦ LAO, TIỀN THƯỞNG THỰC HIỆN CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2017

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2016 | | Năm 2017 | |
|------------|--|------------------|----------|-----------|----------|-----------|
| | | | Kế hoạch | Thực hiện | Kế hoạch | Thực hiện |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| I | HẠNG CÔNG TY ĐƯỢC XẾP | Hạng | II | II | II | II |
| II | TIỀN LƯƠNG CỦA LAO ĐỘNG | | | | | |
| 1 | Lao động | Người | 27 | 27,4 | 30 | 28 |
| 2 | Mức tiền lương bình quân | Triệu đồng/tháng | 13,58 | 16,27 | 13,59 | 17,16 |
| 3 | Quỹ tiền lương | Triệu đồng | 5.137,62 | 5.349,92 | 4.982,64 | 5.765,52 |
| 4 | Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động | Triệu đồng | | 976,06 | | 572,70 |
| 5 | Thu nhập bình quân | Triệu đồng/tháng | 13,58 | 19,24 | 13,59 | 18,86 |
| III | TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (chuyên trách) | | II | II | II | II |
| 1 | Số người quản lý doanh nghiệp | Người | 4 | 3,25 | 3,5 | 3,5 |
| 2 | Mức lương cơ bản bình quân | Triệu đồng/tháng | 86 | 69,5 | 76,5 | 76,5 |
| 3 | Quỹ tiền lương | Triệu đồng | 1.222,4 | 1.344,7 | 1.074,06 | 1.448,12 |
| 4 | Mức tiền lương bình quân | Triệu đồng/tháng | 31,345 | 34,479 | 25,6 | 34,479 |
| 5 | Quỹ tiền thưởng | Triệu đồng | | 168,086 | | 120,680 |
| 6 | Tiền thưởng, thu nhập | Triệu đồng | | | | |
| 7 | Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý | Triệu đồng/tháng | 31,34 | 38,79 | 25,6 | 37,4 |
| IV | THỦ LAO CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (không chuyên trách) | | | | | |
| 1 | Số người quản lý doanh nghiệp | Người | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 2 | Mức thủ lao bình quân | Triệu đồng/tháng | 4,2 | 6,8 | 4,9 | 6,63 |
| 3 | Quỹ thủ lao | Triệu đồng | 73,87 | 81,26 | 58,97 | 79,50 |
| 4 | Quỹ tiền thưởng | Triệu đồng | | 10,16 | | 6,625 |
| 5 | Tiền thưởng, thu nhập | | | | | |
| 6 | Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý | Triệu đồng/tháng | 6,2 | 7,6 | 4,9 | 7,2 |